

Con đường Nam tiến của dân tộc Việt Nam qua những giai-thoại văn chương

Bài của **Ngô Công Minh**, nguyên Chủ nhiệm Nhựt báo Lẽ Sống, chủ tịch Hội Lions Sài Gòn Đông, nói chuyện tại Hội Lions Sài Gòn Đông (năm 1974). **Ngô Công Chánh** (JJR66), con trưởng của ông Ngô Công Minh, giới thiệu.



Những điệu Dân-ca ghi lại con đường Nam-tiến của Dân-tộc ngày nay vẫn còn được các Ban Văn- nghệ trình-diễn.

Hình trên: *Danh-ca BÙI-THIỆN đang hát một bài Dân-ca trong buổi Lễ Kỷ-niệm 14 Năm HỘI LIONS SAIGON ĐÔNG.*

Nói về cuộc Nam tiến của tổ tiên chúng ta thì phải ngược dòng lịch sử trở lại hàng ngàn năm trước, phải sưu tầm biết bao nhiêu sử sách, vì Nam tiến là một chánh sách trường kỳ để sanh tồn của dân tộc ta từ thuở mới lập quốc. Tìm hiểu con đường Nam tiến của tiền nhơn qua văn chương – nhứt là văn chương bình dân, tức là qua câu hò tiếng hát, thật là vô cùng khó khăn.

Bởi lẽ xưa kia tổ tiên chúng ta vốn là những người ưa chuộng chữ nghĩa thánh hiền qua kinh sách, không thích những thứ văn chương truyền khẩu mà các cụ cho là « nôm na là cha mách quẻ » thì đâu còn lưu lại sách vở về loại văn chương truyền khẩu này, có chăng chỉ bằng bạc trong nhơn dân, cho nên sự sưu tầm thật là khó mà đầy đủ được. Bởi vậy trong bài này chúng tôi chỉ xin khiêm tốn thuật lại một vài giai-thoại văn chương liên quan đến cuộc Nam tiến còn lưu lại trong dân gian chớ không dám cho là đầy đủ.

Ai cũng biết tổ tiên chúng ta muốn vào tới Miền Nam, xưa kia phải vượt qua bao nhiêu đèo, bao nhiêu núi trong những phương tiện lưu thông rất khó khăn thiếu thốn của thời đại bấy giờ thì ít nhứt phải có một sức mạnh tinh thần làm động cơ thúc đẩy con người mới tiến được. Sức mạnh nào đã giúp tổ tiên ta vượt đèo vượt suối ? Xin mời quý vị nghe đoạn dân ca sau đây diễn tả sức mạnh ấy :

*Đèo cao thì mặc đèo cao
Nhưng lòng yêu nước còn cao hơn đèo.
Anh em hăng hái mà leo...
Vượt sông vượt núi vượt bao nhiêu đèo.*

Thật vậy chính tấm lòng yêu nước ấy đã giúp Tổ tiên chúng ta vượt khó khăn thực hiện cuộc Nam tiến bằng đủ cách, có khi phải hy sinh tính mạng, có khi hy sinh tình cảm cá nhân gia đình, hoặc hạnh phúc tình yêu của riêng mình để cho giang sơn được rộng thêm, như trường hợp Huyền Trân Công Chúa phải thành hôn với vua Chiêm Thành đặng đem về cho Tổ quốc hai châu Ô, Lý vuông nghìn dặm và lưu lại cho hậu thế một giai thoại về lòng hy sinh mà ngày nay nhắc lại chúng ta không khỏi bồi ngùi, cảm xúc.

Trong quá trình Nam tiến gần 1000 năm của dân tộc ta, chuyện Huyền Trân Công Chúa là một chuyện độc đáo duy nhất lưu lại nhiều dấu vết trong văn chương bình dân, còn các chiến công khác chỉ còn trong chánh sử và dã sử, vì nó gần như chuyện tất nhiên mà không phải là đặc biệt đáng ghi nhớ trong ký ức dân gian.

Tại sao vậy ? Có lẽ người xưa quan niệm rằng bao nhiêu chiến sĩ anh hùng đã xả thân cho cuộc Nam tiến là nam nhi, mà theo quan niệm của thời xưa ở Á Đông thì làm trai mà chết cho nước là chuyện thường, chuyện hợp lý. Vì người xưa nói :

*Làm trai chết ở chiến trường,
Chớ ai lại chết trên giường vợ con.*

hoặc :

*Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống Đông Đông tỉnh, lên Đoài Đoài tan...*

Như vậy thì nam nhi hy sinh cho đất nước là bổn phận , tức là việc làm thuộc lý trí, còn Công chúa Huyền Trân trước hết là một Công chúa, và là phụ nữ, hai yếu tố ấy khiến sự hy sinh của nàng đủ gây xúc cảm cho muôn đời.

Tuy nhiên nếu chúng ta tự nhận xét kỹ về mình thì sẽ thấy dân tộc tín chúng ta có nhiều đặc tính lạ gần như mâu thuẫn nhau. Riêng trong trường hợp Công chúa Huyền Trân hy sinh đem về cho nước 2 châu Ô, Lý này, đặc tính mâu thuẫn ấy biểu lộ rõ hơn bao giờ hết, vì tìm lại dấu vết trong văn chương bình dân thì chúng ta thấy người thời ấy đối với sự hy sinh của Công chúa Huyền Trân vừa tán thưởng lại vừa có ý mỉa mai. Tán thưởng vì đất nước thêm đất mở rộng biên cương mà không tốn xương máu như dân và sự hy sinh của binh sĩ, còn mỉa mai vì tiếc rẻ nàng công chúa xinh đẹp của giòng nòi Hồng Lạc lại sánh duyên với chúa Chăm. Sự tán thưởng và mỉa mai ấy thể hiện qua các câu ca dao truyền khẩu này :

*Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán thằng Mường nó leo.*

Bài thơ sau đây lại lạ hơn, trong một bài vừa mỉa mai lại vừa tán thưởng sự hy sinh ấy :

*Đôi chác khen ai khéo nực cười,
Vốn đà không mất lại thêm lời,
Hai châu Ô, Lý vuông ngàn dặm,
Một gái Huyền Trân của mấy mươi.
Lòng đố khen ai lo việc nước,
Môi sơn há mãi sống trên đời.
Trần đi rồi lại Trần về đó*

.....

Sau khi Công chúa Huyền Trân về làm Hoàng hậu Chiêm Thành một thời gian ngắn thì vua Chiêm là Chế Mân mất vào năm 1307. Theo tục lệ nước này khi nhà vua băng hà thì Hoàng hậu bị đưa lên giàn hỏa thiêu sống để cùng chết theo. Vua Trần Anh Tông biết rõ điều ấy, sợ em

là công chúa bị hại mới phái quan Nhập Nội Hành khiến Thượng thư Trần Khắc Chung đem binh sang Chiêm lấy cớ đi phúng điếu để lập kế cứu Công chúa đem về nước Việt.

Công chúa Huyền Trân thoát nạn lên giàn hỏa được là nhờ Thượng tướng Trần Khắc Chung thi hành đúng kế hoạch của Trần triều tính trước tại Thăng Long, theo đó thì Công chúa phải nói là đi ra biển để tế Thần biển trước khi lên hỏa đài. Bất ngờ quân Trần xuất hiện cướp Công chúa đưa xuống chiến thuyền về nước. Thượng tướng Trần Khắc Chung trước kia là ý trung nhân của Công chúa, nhưng vì nàng vưng lịnh vua cha hy sinh về Chiêm để đổi đất, nên chuyện tình ấy mới dang dở nay gặp lại, Công chúa và Khắc Chung như cá gặp nước, biết bao là chuyện tâm tình được kể lể nên cả hai linh đình trên mặt biển mãi một năm sau mới về Thăng Long.

Theo giai đoạn này và sự việc lịch sử xảy ra như thế thì cái câu « Trần đi rồi lại Trần về đó » mới đúng hoàn cảnh lúc bấy giờ.

Về thời gian một năm Thượng tướng Trần Khắc Chung và Công chúa Huyền Trân linh đình trên mặt biển, sử sách không có ghi rõ những gì xảy ra trong thời gian đó, nhưng trong dân gian lại xuất hiện câu ca dao sau đây để ám chỉ trường hợp ấy :

*Tiếc thay hột gạo trắng ngân,
Đã vo nước đục lại vẫn lửa rơm...*

Ý muốn nói Công chúa là cành vàng lá ngọc đã phải hy sinh vì nước, thành hôn với vua Chiêm khác màu da trong một cuộc hôn duyên không xứng đôi nay lại gặp Trần Khắc Chung tình tự nữa.

Những câu ca dao trên phần nhiều là do dân gian truyền khẩu hoặc đời sau vịnh chuyện ấy, tức là những người ngoại cuộc phẩm bình cuộc hôn nhân ấy, còn vai chánh trong chuyện có để lại một văn phẩm nào tỏ bày tâm sự không ? Hoàn toàn không, đó là điều lạ mà người đời sau không ai hiểu lý do, vì theo sách Trần Triều Thế Phổ của Ngô Sĩ Liên thì Công chúa Huyền Trân là một tay văn hay chữ tốt, giỏi thơ phú, nhưng không có tài liệu nào về tâm sự Công chúa Huyền Trân do bà lưu lại mà chỉ có vài câu vắn tắt sau đây của một nhà nho nào đó thay Công chúa tỏ tâm tình, còn truyền tụng trong dân gian :

*Nước non nghìn dặm ra đi,
Mượn màu sơn phấn đền nợ Ô, Ly,
Vàng lộn theo chì,
Nợ duyên gì....*

Những câu này quá vắn tắt không nói lên được tâm sự của Công chúa Huyền Trân, là người giàu tình cảm.

Trên đường về Chiêm quốc, Công chúa Huyền Trân đi vượt qua biên giới Việt-Chiêm qua hai câu ca dao sau đây :

*Chiều chiều gió thổi Hải Vân,
Chim kêu gành đá, gấm thân em buồn...*

Đó là đoạn đường đi theo đường bộ, và có đi theo đường bộ mới qua đèo Hải Vân. Điều đó không lạ vì hai châu Ô, Lý đã giao cho nhà Trần làm đất Việt thì đèo Hải Vân đã ở trên lãnh thổ Việt, quan quân nhà Trần đủ sức để đảm bảo an ninh cho Công chúa. Chỉ có chặn từ Đà Nẵng trở vào là còn của Chiêm mới ngại dân Chiêm chống đối nên phải đi đường biển. Vì còn có hai câu thơ sau đây tả lúc thuyền vua Chế Mân về đến Đò Bàn, của một nhà thơ trong dân gian :

*Sương lam tía, chân trời đã rạng,
Thuyền Quân vương lách sóng lại Đổ Bàn.*

Đó là lúc Công chúa Huyền Trân về đến kinh thành nước Chiêm, vào lúc giữa bình minh.

Trong khi đó dư luận trong dân gian Chiêm được thể hiện qua hai câu này :

*Tách riêng một mảnh gian san,
Hai Châu Ô, Lý muôn vàn tiếc thương...*

* * *

Cuộc Nam tiến vẫn tiếp tục sau nhà Trần đến nhà Hồ. Hồ Quý Ly lập nên một triều đại ngắn nhứt trong lịch sử Việt Nam về mặt trị vì đất nước, nhưng lại rất có công trong cuộc Nam tiến của dân tộc, vì sau nhà Trần, thì trong thời nhà Hồ, tổ tiên ta tiến về Nam mau nhứt. Nhà Hồ biết tận dụng ưu thế của mình và thế yếu của Chiêm Thành nên chỉ có 7 năm trong thời gian từ 1400 đến 1407 mà đã tiếp thu một số đất của Chiêm Thành rộng bằng số đất đã thu cả dưới triều đại Lý, Trần, tức là dưới triều đại nhà Hồ ranh giới nước ta đến Sa Huỳnh phía Nam tỉnh Quảng Ngãi ngày nay.

Sau khi nhà Hồ bị hạ, quân Minh xâm chiếm đất nước ta, Bình Định vương Lê Lợi phải lo chống nhà Minh giải phóng quê hương nên công cuộc Nam tiến phải dừng lại ở địa giới thời nhà Hồ, không những thế mà địa giới còn lùi lại trở về khoảng giữa tỉnh Quảng Nam vì nhà Minh muốn lấy lòng Chiêm Thành nên đem đất mà nhà Hồ đã thu được trả lại vua Chiêm Thành.

Khi vua Lê Lợi đuổi được quân nhà Minh rồi, vì muốn duy trì sự bang giao tốt đẹp với Chiêm Thành cho yên một phíaặng yên tâm tổ chức lại triều chánh và nội trị nên cũng không đòi hỏi miến đất mà Hồ Quý Ly đã thu được mà nhà Minh làm ngang trả lại vua Chiêm. Vì thế dưới triều Lê Thái Tổ việc bang giao với Chiêm Thành thật tốt đẹp, mãi khi vua Lê Thái Tổ băng rồi qua triều Lê Thánh Tôn vì Chiêm Thành lộn xộn sao đó nên vua Lê Thánh Tôn đã ngự giá thân chinh chỉ huy một đạo quân hải, lục Việt Nam gồm lổi 250.000 quân sang đánh Chiêm Thành lấy lại tất cả khoảng đất do nhà Hồ thu được và Minh trả, mà còn tiến thêm được đến đèo Cù Mông (phía Nam Bình Định) uy hiệp cả kinh đô Đổ Bàn khiến vua tời Chiêm phải chạy vào Jatrang (nay là Nha Trang). Đó là năm 1471.

Về giai đoạn này sử có ghi rằng sau khi đánh đuổi được vua Chiêm Thành, vua Lê Thánh Tôn lưu lại Đổ Bàn một thời gian tổ chức việc cai trị, rồi giao lại cho quan Đô Thông Chương Quân đóng lại, sáu tháng sau nhà vua rút quân về Thăng Long. Trước khi lui binh nhà vua tuyển mộ một số binh sĩ giỏi võ nghệ để ở lại, hầu bảo vệ và khai phá đất mới, để phòng quân Chiêm Thành quấy rối và đối phó với mãnh thú trong rừng sâu. Sau khi về đến Thăng Long nhà vua ban chiếu ra dân chúng, tuyển mộ thêm những tay trai trẻ cường tráng giỏi võ nghệ rồi gửi vào tăng cường thêm cho đoàn quân tiền tuyến ở miền Nam tức tỉnh Bình Định bây giờ, vì vậy do hoàn cảnh bắt buộc những người ấy liên tục truyền dạy võ nghệ cho con cháu, cho nên người Bình Định được tiếng là giỏi võ, bởi vậy trong dân gian mới có câu hát :

*Ai về Bình Định mà coi...
Đàn bà cũng biết đánh roi đi quyền.*

Đời nay khi nghe hai câu hát này người ta chỉ biết nó ca ngợi sự giỏi võ nghệ của người Bình Định, nhưng không mấy ai lưu ý tìm hiểu nhờ đâu người Bình Định giỏi võ nghệ.

Thật ra cũng chính vì nhu cầu sống còn của dân tộc, dân Bình Định giỏi võ nghệ là vì đã đóng góp sức vào cuộc Nam tiến, cái giỏi võ nghệ ấy là để giữ nước và dựng nước chớ không phải chỉ để trình diễn.

Biên giới nước ta dừng lại ở Cù Mông từ ấy cho đến thời Trịnh Nguyễn phân tranh.

Trong thời chúa Nguyễn khai hoang những người đi tiên phong vào các tỉnh miền Nam đã sống như thế nào, bằng nghề nghiệp gì ? Đoạn dân ca sau đây còn lưu lại trong các câu hát ở miền Trung đã nói lên nếp sống và sinh kế của những bậc tiền bối ấy : Họ sống bằng nghề đánh cá và làm ruộng một nếp sống tự lập kiêu hùng. Đây xin mời quý vị nghe :

*Chông chài vợ lưới con câu,
Sông Ngô bể Sở biết đâu bến bờ.
Khi nên tay kiếm tay cờ,
Không nên ta cũng chẳng nhờ cậy ai.*

Thật vậy những người Việt tiên phong thuở ấy, khai rừng phá núi mở đường, đã phải tự lực mưu sinh và không nhờ vả vào ai hết, và khi thành công thì tay kiếm tay cờ để tiếp tục mở rộng giang san, và trong cuộc mưu sinh thì họ còn phải tính toán thế nào cho kịp với thời tiết của thiên nhiên. Đây quý vị hãy nghe đoạn dân ca này :

*Tháng chạp là tháng nghỉ ngơi,
Tháng giêng trồng dâu (tháng hai trồng cà.
Tháng tư cấy vở ruộng ra,
Tháng năm gieo mạ mưa sa đầy Đông.*

Trong thời chúa Nguyễn, các Chúa đã tiếp tục công cuộc Nam tiến trên tất cả mọi lãnh vực, bằng mọi phương tiện, chánh trị, ngoại giao để lần lượt tiếp thu hết đất Chiêm thành vào năm 1653, mà chấm dứt triều vua cuối cùng của Chiêm thành vào năm 1693.

Cuộc sống chung chạ giữa hai giống dân Chiêm Việt kéo dài độ một thế kỷ thì người Chiêm dần dần giảm bớt vì sự đồng hóa của người Việt quá mạnh và khéo quá. Thế là từ chúa Nguyễn Hoàng đến chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát là dân ta thôn hết đất Chiêm, nhưng không phải đến đây chúa Nguyễn chịu dừng chân, vì còn đất Thủy Chân Lạp (tức miền Nam VN ngày nay) ở phía Nam kia...

Thế là chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát rồi sau đó là chúa Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần, Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên tiến vào Chân Lạp, bằng hai đường thủy bộ vào ngã Bà Rịa, đánh vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân. Quân Việt Nam lúc ấy tiến vào, rồi lại rút về, chỉ đặt cố vấn ở lại, khi nào quan quân Chân Lạp lộn xộn với nhau chúa Nguyễn mới gọi quân vào. Bởi vậy quân ta đi, về gần như đã quen thuộc cả hai đường thủy bộ. Bởi vậy trong dân ca miền Nam liên quan đến cuộc Nam tiến còn để lại ngày nay hai câu hát có tánh cách dẫn đường như sau :

*Đường vào lối cũ xông pha,
Qua miền Đất đỏ rồi ra Biên Hòa.*

Theo lịch sử thì quân chúa Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần và Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát tiến vào bằng hai ngã, một theo lối Hàm Tân vào Xuyên Lộc bọc lên và một thẳng theo rừng lá vào Xuân Lộc tiến vào. Câu dân ca trên đây thể hiện được đường tiến quân ấy, quân ta đi, về nhiều lần nên đối với họ đây chỉ là lối cũ thì tha hồ xông pha, và qua miền Đất đỏ thì chúng ta ngày nay có thể đoán được là miền Xuân Lộc (Long Khánh) bây giờ, vì thuở ấy vùng này chưa có địa danh Việt Nam mà tên Miền thì khó kêu, nên quân lính thấy màu đất cứ gọi là miền Đất đỏ, cả ngã đường từ Bà Rịa tiến vào cũng có Đất đỏ. Tóm lại quân ta thuộc đường vào đất Chân Lạp như ở đất nhà. Về đường thủy, thì câu hát sau đây nói lên đường tiến của quân Việt trong khi tiến quân và dân Việt Nam khi di dân vào đây :

Nhà Bè nước chảy chia hai,

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.

Trong giai đoạn Nam tiến của chúa Nguyễn, phụ nữ đã đóng một vai trò rất quan trọng trong chánh sách đồng hóa đối với dân Chiêm, giao thiệp với Chân Lạp, và mở mang đất mới.

Về việc giao thiệp với Chân Lạp để giữ đất đã lấy được, chúa Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên đã gả Quận chúa Ngọc Vạn con gái thứ nhì của chúa cho vua Chân Lạp (Kampuchea ngày nay) là Chey Chetta, chính Quận chúa Ngọc Vạn khi trở nên Hoàng Hậu Chân Lạp đã tạo ảnh hưởng rất lớn, (bằng trí thông minh và đức hạnh của Bà) trong triều đình Chân Lạp khiến vua tôi Chân Lạp không bao giờ nghĩ tới chuyện chống chúa Nguyễn đòi đất nên cuộc định cư dân chúng và khai thác đất mới được tiến hành rất mau lẹ.

Trong giai đoạn này có 4 Quận chúa con gái Sãi vương góp công rất nhiều cho cuộc Nam tiến của dân tộc. Đó là các Quận chúa Ngọc Liên, Ngọc Vạn (sau trở nên Hoàng Hậu Chân Lạp,) Ngọc Khoa và Ngọc Đình, bốn Quận chúa này được các nhà văn chuyên khảo cứu lịch sử gọi là bốn Ngọc Nữ miền Nam. Nhưng có điều lạ nhứt là trong chánh sử lại không thấy có dấu vết gì về việc kết thân Việt Nam-Chân Lạp qua cuộc hôn nhân của Quận chúa Ngọc Vạn, mà sự việc này chỉ lưu lại trong Nguyễn Triều Thế Phổ tức gia phả của giòng họ Nguyễn.

* * *

Sau khi thống nhứt được giang san vua Gia Long đặc biệt chú tâm mở mang miền Nam, có đường lối chánh sách hẳn hoi, một trong nhữ đường lối của chánh sách ấy là kêu gọi tình đoàn kết của dân chúng, khuyên họ thương yêu nhau để cùng mở mang lãnh thổ quốc gia, đã được thể hiện qua điệu dân ca sau đây :

*Rông châu ngoài Huế,
Ngựa tể Đồng Nai.
Nước sông trong chảy lộn với sông ngoài
Thương người xa xứ lạc loài tới đây.
Tới đây thì ở lại đây,
Bao giờ bén rễ xanh cây hãy về.*

Bài dân ca vừa rồi chỉ có sáu câu nhưng chứa đựng cả một đường lối kinh tế và dân sinh của Tổ tiên chúng ta trên bước đường Nam tiến sau khi đã vào đến miền Nam.

Lời dân ca ấy chứa đựng lời khuyên nhủ những người đến trước hãy biểu lộ tình thương đối với những người đến sau để cùng khai phá miền Nam và làm giàu cho giang san Việt Nam, và cũng thể hiện được tình đoàn kết một nhà. Bởi vậy cho nên :

*Nước sông trong mới chảy lộn với sông ngoài,
Và thương người xa xứ lạc loài đến đây.*

Và :

*Đã tới đây thì phải ở lại đây,
Bao giờ bén rễ xanh cây hãy về.*

Hai câu này có ý nghĩa cả về hai khía cạnh như sinh và kinh tế, về như sinh thì bén rễ xanh cây có nghĩa là người từ ngoài vào đến miền Nam thành gia thất, con cái đẻ huê, còn về kinh tế thì khi người xa xứ đến miền Nam đem những bàn tay xây dựng tới thì mảnh đất miền Nam được khai phá cây bừa vườn tược xanh tươi. Mà đã bén rễ xanh cây thì ai lại nở về, dù theo nghĩa nào cũng vậy. Cho nên tuy ca dao nói :

Bao giờ bén rễ xanh cây hãy về ?

Nhưng trên thực tế thì chẳng có ai “*bén rễ xanh cây*” rồi lại về, vì thế mà chúng ta mới được hưởng một miền Nam trù phú ngày nay.

NCM

